

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-PT

Ngày: 31/8/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Ông Trần Tử

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST, ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT, ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích V, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Khối 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh Vũ Anh M (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023); Địa chỉ: Khối 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Đều có mặt)

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Văn P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích V và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 14/12/2020 vợ, chồng chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn P có vay của chị Đỗ Thị Bích V số tiền 1.300.000.000 đồng (theo giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 14/12/2020), lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày (số tiền vay 1.300.000.000 đồng thì tiền lãi là 1.300.000 đồng/ngày), tương ứng với 36,5%/năm. Ngày đầu tiên nhận tiền là tính lãi, thoả thuận vay trong thời hạn vài ngày để đảo nợ Ngân Hng, nhưng sau đó không có tiền trả gốc nên cứ để trả lãi. Tại phiên toà, chị V thống nhất việc chị H đã trả lãi đến ngày 21/6/2022 được 721.500.000 đồng (trong đó có 21.000.000 đồng chuyển khoản ngày 27/6/2022).

Đến ngày 22/6/2022 vợ, chồng chị H, anh P viết lại giấy mượn tiền (theo giấy mượn tiền ngày 22/6/2022), số tiền vay 1.300.000.000 đồng, mục đích là để Hng tháng vừa trả tiền gốc, vừa trả tiền lãi, lãi suất 13,8%/năm. Mỗi tháng chị H, anh P phải trả 45.000.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 30.000.000 đồng; tiền lãi là 15.000.000 đồng. Từ ngày 22/6/2022 đến ngày 19/12/2022, chị H, anh P đã trả bằng hình thức chuyển khoản được 264.500.000 đồng (không tính 21.000.000 đồng chuyển khoản ngày 27/6/2022). Khi chuyển khoản trả tiền thì không tách riêng cho từng khoản tiền gốc, tiền lãi. Sau đó, chị H, anh P không trả theo thoả thuận nên ngày 01/11/2022, chị V nhắn tin yêu cầu trả nợ gốc và thông báo miệng cho vợ chồng chị H là khởi kiện ra Toà án.

Mức lãi suất thoả thuận 36,5%/năm, vượt quá quy định của pháp luật nên chị V đề nghị tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Sau khi trừ số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật vào tiền gốc, chị V rút một phần yêu cầu khởi kiện từ 1.125.000.000 đồng, còn 800.000.000 đồng (rút 325.000.000 đồng). Yêu cầu vợ chồng chị H, anh P phải trả cho chị V số tiền gốc còn nợ là 750.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 800.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H thừa nhận lời trình bày của chị V về việc ngày 14/12/2020 có vay của chị V 1.300.000.000 đồng, đến ngày 22/6/2022 thì viết lại giấy mượn tiền 1.300.000.000 đồng. Mức lãi suất, số tiền trả như chị V trình bày là đúng. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận anh P có cùng vay tiền của chị V. Do lãi suất cao, chị H không có khả năng trả nữa, nên chị V thông báo khởi kiện. Tại phiên toà, chị H đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Văn P trình bày: Anh P không có vay tiền của chị V; không biết chị H vay tiền; việc chuyển trả tiền cho chị V là do chị H mượn tài khoản của anh P; việc ký vào giấy vay tiền là bị chị V ép buộc nên anh P không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST, ngày 20/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 288; 357; 463; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu 325.000.000 đồng mà nguyên đơn đã

rút.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích V.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Thị Bích V số tiền 769.554.350 (bảy trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi) đồng, gồm có: Tiền nợ gốc là 719.755.179 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi chín) đồng; tiền nợ lãi là 49.799.171 (bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi mốt) đồng. Trong đó, phần của chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P mỗi người phải trả cho chị Đỗ Thị Bích V là 384.777.175 (ba trăm tám mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng, gồm có: Tiền nợ gốc là 359.877.589 đồng, tiền nợ lãi là 24.899.585 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hnh xong, bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất thoả thuận là 13,8%/năm. Đối với số tiền nợ lãi chưa trả thì bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi Hnh án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 04/7/2023 bị đơn anh Lê Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Trừ số tiền trả lãi từ ngày 14/12/2020 đến 21/6/2022 là 721.500.000đ trừ vào số tiền gốc còn 1.300.000.000đ - 721.500.000đ = 578.500.000đ, tính lãi 13,8% theo thoả thuận và trừ dần gốc vào các kỳ trả lãi tiếp theo. Đề nghị xử giao dịch giữa anh P và chị V vô hiệu nên anh P không phải chịu liên đới trả nợ cho chị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá toàn bộ các tình tiết, chứng cứ, nội dung đơn kháng cáo đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn P đề ngày 04/7/2023. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST, ngày 20/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Bích V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tiền với chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn P có địa chỉ tại huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Lê Văn P có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được thụ lý xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn P Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về việc vay mượn tiền: Ngày 14/12/2020 và ngày 22/6/2022 giữa chị Đỗ Thị Bích V và chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P có viết giấy vay tiền 02 lần, với số tiền là 1.300.000.000đ. Theo như lời trình bày giữa hai bên thì thực tế chỉ là một khoản vay là 1.300.000.000đ. Xét hai giấy vay tiền đều thể hiện người vay là chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn P cùng ký tên vay. Do đó, có căn cứ khẳng định anh P, chị H có nợ chị V số tiền 1.300.000.000đ lúc ban đầu. Bị đơn anh P cho rằng không vay mượn tiền của nguyên đơn, anh P bị ép buộc đe dọa ký vào giấy vay tiền là không có căn cứ. Anh P không cung cấp được chứng cứ gì chứng M cho lời trình bày của mình là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, giao dịch vay mượn tiền giữa chị Đỗ Thị Bích V và chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P có hiệu lực không bị vô hiệu, anh P phải liên đới cùng chị H trả tiền cho chị V là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh P cho rằng từ ngày 14/12/2020 đến 21/6/2022 bị đơn đã trả lãi là 721.500.000đ phải trừ vào số tiền gốc là 1.300.000.000đ - 721.500.000đ = 578.500.000đ gốc, tính lãi 13,8% theo thỏa thuận và trừ dần gốc vào các kỳ trả lãi tiếp theo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian vay tiền, từ ngày 14/12/2020 đến ngày 21/6/2022, lãi suất thỏa thuận 36,5%/năm cao hơn lãi suất pháp luật quy định (20%/năm) nên tính lại tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Các bên đều thừa nhận số tiền trả từ ngày 14/12/2020 đến ngày 21/6/2022 là tiền lãi. Do đó, cần tính lãi suất cho từng lần trả tiền trên số dư nợ gốc tại thời điểm trả lãi theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Số tiền lãi vượt quá quy định sẽ được trừ vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi, số tiền lãi nếu còn thiếu sẽ được thu tiếp vào các lần trả tiền tiếp. Như vậy, tiền lãi từ ngày 14/12/2020 đến ngày 21/6/2022, tính theo quy định của pháp luật là 349.642.952 đồng. Số tiền lãi đã trả 721.500.000 đồng, vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định là 721.500.000 đồng - 349.642.952 đồng = 371.857.048 đồng, được trừ lùi dần cho từng lần trả tiền trên số dư nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Số tiền nợ gốc đến ngày 22/6/2022 còn lại là 1.300.000.000 đồng - 371.857.048 đồng = 928.142.952 đồng theo như cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định. Do đó, phần kháng cáo này của anh P không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy, từ ngày 22/6/2022 đến ngày 19/12/2022 chị H, anh P đã trả được 264.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 56.112.227 đồng; tiền gốc là 208.387.773 đồng. Chị H, anh P còn nợ tiền gốc là 928.142.952 đồng - 208.387.773 đồng = 719.755.179 đồng và tiền lãi từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2023 (183 ngày) là 49.799.171 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 769.554.350 đồng, buộc chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Thị Bích V là đúng quy định.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại tuyên phần của chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P mỗi người phải trả cho chị Đỗ Thị Bích V là 384.777.175 (ba trăm tám mươi tư triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng, gồm có: Tiền nợ gốc là 359.877.589 đồng, tiền nợ lãi là 24.899.585 đồng là không cần thiết. Theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, không quy định phần riêng của vợ hoặc chồng, hai vợ chồng vay chung phải có nghĩa vụ trả nợ chung. Do đó, cấp phúc thẩm tuyên lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc anh P cho rằng từ ngày 14/12/2020 đến ngày 21/6/2022, lãi suất thoả thuận 36,5%/năm vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là 16,5% là bị truy cứu trách nhiệm hình sự về cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “*Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự...*” thì bị truy cứu về tội cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm, mà lãi suất chị V cho vay là 36,5%/năm là vượt quá 16,5%. Mức lãi suất vượt quá 16,5% là chưa vượt quá gấp 5 lần theo quy định để bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, giao dịch vay mượn giữa các bên chỉ là quan hệ dân sự.

Ngoài ra, về việc ủy quyền thấy rằng: Tại hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2023, chị Đỗ Thị Bích V ủy quyền cho anh Vũ Anh M để tham gia giải quyết vụ án dân sự. Trong hợp đồng có ghi “...*liên hệ Tòa án nhân dân huyện Đắk H*”, tuy nhiên nội dung của hợp đồng đã thể hiện “*để tham gia giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLSTDS với bị đơn là Nguyễn Thị H và anh Lê Văn P do Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô giải quyết...*” Do đó, không ảnh hưởng gì đến quá trình tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền và việc ủy quyền này là đúng quy định.

Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích V là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn P đề ngày 04/7/2023. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST, ngày 20/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288; 357; 463; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu 325.000.000 đồng mà nguyên đơn đã rút.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích V.

Buộc vợ, chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Thị Bích V số tiền 769.554.350đ (bảy trăm sáu mươi chín triệu năm trăm năm mươi tư nghìn ba trăm năm mươi đồng), gồm có: Tiền nợ gốc là 719.755.179đ (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi chín đồng); tiền nợ lãi là 49.799.171đ (bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hành xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất thỏa thuận là 13,8%/năm. Đối với số tiền nợ lãi chưa trả thì bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Văn P phải chịu 34.782.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Bích V phải chịu 1.522.200đ (một triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 22.875.000 đồng, theo biên lai số 0001514 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô. Chị Đỗ Thị Bích V được hoàn trả số tiền chênh lệch là 21.352.800đ (hai mươi một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng).

- Án phí phúc thẩm: Buộc anh Lê Văn P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001588 ngày 13/7/2023 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, anh Lê Văn P đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (31/8/2023).

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Du (Đã ký)